TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2020.
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thìn

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP B tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1395/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXX.ST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 4, KP4C, P. T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* ông Phan Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 4, KP4C, P. T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai

(Bà S, ông Tcó đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08/6/2020, bà Hoàng Thị S nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với ông Phan Văn T. Lý do xin ly hôn, theo bà S trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 2003 bà và ông S tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, TP. B, tỉnh Đồng Nai. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 08/01/2004). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm

chăm sóc nhau nữa. Nay bà nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 3 cháu là Phan Hoàng Ngọc Hân, sinh ngày 13/01/2004, Phan Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 22/02/2010, Phan Hoàng Quốc Trọng, sinh ngày 19/12/2019. Ly hôn, bà nhận nuôi ba con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của ông T trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như bà S đã khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, nay bà S xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 3 cháu là Phan Hoàng Ngọc Hân, sinh ngày 13/01/2004, Phan Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 22/02/2010, Phan Hoàng Quốc Trọng, sinh ngày 19/12/2019. Ly hôn, ông đồng ý giao ba con chung cho bà S chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hoàng Thị S xin ly hôn với ông Phan Văn T, đương sự có nơi cư trú tại địa chỉ: Nhà không số, tổ 4, KP4C, P. T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Hoàng Thị S, bị đơn ông Phan Văn T có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn bà Hoàng Thị S và bị đơn ông Phan Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, TP. B, tỉnh Đồng Nai. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 08/01/2004) theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà S nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T, lý do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay bà S nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Qua lời khai của ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn như trước, vì vậy ông T đồng ly hôn với bà S.

Quá trình giải quyết vụ án, bà S và ông T có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S, giải quyết cho bà S được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai.

[4] Veà con chung: Có 3 cháu là Phan Hoàng Ngọc Hân, sinh ngày 13/01/2004, Phan Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 22/02/2010, Phan Hoàng Quốc Trọng, sinh ngày 19/12/2019. Ly hôn, giao cháu Hân, cháu Ngân, cháu Trọng cho bà S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung

[5] Về tài sản chung: Bà S và ông T khai tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà S và ông T khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà S phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử*:* Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Hoàng Thị S

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị S được ly hôn với ông Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng Ngọc Hân, sinh ngày 13/01/2004, Phan Hoàng Kim Ngân, sinh ngày 22/02/2010, Phan Hoàng Quốc Trọng, sinh ngày 19/12/2019 cho bà S trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà S trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; nợ chung: xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu số 0009427 ngày 15/6/2020.

5. Bà Hoàng Thị S và ông Phan Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương